

"CHÙA ÔNG" ở Huế

Bác sĩ Nguyễn Anh Huy



"Chùa Ông", sau này có tên là "Chùa Thuận Hóa", ở Số 114 đường Bạch Đằng, Thành phố Huế; một ngôi chùa đã điêu tàn hầu như ít mở cửa vì quá nhiều năm không có sư.

Cũng như nhiều đền thờ Quan Thánh tại Việt Nam đã có từ xa xưa, phần lớn là đền do dân lập⁽¹⁾; nhưng ngày Tết ất Chùa Ông sẽ mở cửa, và vào chính điện, tôi thật bất ngờ...

Trên chính điện, có bức hoành 4 chữ

“忠義之則

(Trung nghĩa chi tắc),

nghĩa là "Tấm gương trung nghĩa".

* * *

*Đất Thần Kinh trai hiền, gái lịch,
Non xanh nước biếc, điện ngọc, đèn rồng,
Tháp bảy tầng, Thánh miếu, Chùa Ông,
Chuông khua Diệu Đế, trống rung Tam Tòa...*

Chúng ta, ai cũng biết trong tác phẩm Tam Quốc Diễn Nghĩa của La Quán Trung, Quan Công (162-219) được mô tả là người trung nghĩa, khi mất lại hiển thánh cứu dân hộ quốc. Người đời cho rằng Quan Thánh có các đức tính "Trung đồng nhật nguyệt, nghĩa đồng thiên (忠同日月, 義同天)!", nghĩa là lòng trung thì sáng như mặt trời mặt trăng, còn nghĩa khí thì như trời xanh bao la!

Về lòng trung, người ta kể rằng khi anh em Đào Viên kết nghĩa bị ly tán, Quan Công bị quân Tào vây hãm và dụ hàng, ngài ra 3 điều kiện trong đó có 2 câu tỏ lòng trung là "-Hàng Hán (họ Lưu) chứ không hàng Tào!, và khi biết được Lưu hoàng thúc ở đâu thì cũng tìm đến!". Tào Tháo đồng ý cho hàng và quý trọng ông đến nỗi "Tam nhật tiểu yến, thất nhật đại yến" (3 ngày mở một tiệc nhỏ, 7 ngày mở 1 tiệc lớn để chiêu đãi). Nhưng cuối cùng ông vẫn bỏ họ Tào để đi tìm người anh kết nghĩa họ Lưu:

*Uy lừng ba nước tiếng anh hào,
Nam nữ riêng nhà, nghĩa khí cao.
Gian tước ướng công mua chuốc hảo,
Ai hay Quan Vũ chẳng hàng Tào!*

Về nghĩa khí, người ta kể rằng khi Tào Tháo thua trận Xích Bích, thế cùng lực kiệt chạy đến Hoa Dung thì gặp Quan Công đang chờ bắt ở đó:

Tào Man thua chạy đến Hoa Dung,

*Gặp phải Quan Công xiết hãi hùng.
Chạnh nghĩ xưa kia ơn nghĩa nặng,
Nên đành mở khóa, thả giao long !*

Trước khi Quan Công xin đi bắt Tào Tháo, ông đã viết quân lệnh trạng với Quân sư Gia Cát Lượng thề sẽ chấp nhận bị xử theo quân lệnh nếu thả giặc Tào, nhưng trong giây phút trả nghĩa cho họ Tào, ông đã:

*Liều đem một chết đền tri kỷ,
Nên được nghìn thu nổi nghĩa danh !*

Trải qua các triều đại phong kiến Trung Hoa, từ thời Tống, Nguyên, Quan Công đều được phong tước, xem là vị thánh, và lập đền thờ ngài. Rồi đến thời Minh Vạn Lịch (1573-1620) được tôn là “Đế”, đến thời Thanh Càn Long (1736-1795) lại được tôn là “*Trung Nghĩa Vũ thần đại đế*”, “*Quan Phu Tử*”...

Khi nước Đại Thanh chiếm diệt Đại Minh vào năm 1644, các trung thần triều Minh phần lớn rời bỏ Trung Quốc ly hương đến các nước Đông Nam Á, trong đó có Đại Việt để lánh nạn Mãn Thanh. Vì Quan Thánh là hình tượng bảo quốc an dân của người Hán, nên đi đâu họ cũng mang theo tín ngưỡng này; do vậy mà tục thờ Ông được du nhập vào Việt Nam theo những người Minh Hương...

Tết năm nay, tôi không đi thăm bạn bè hoặc đồng nghiệp, mà dành thời gian tìm hiểu các đền thờ Quan Thánh, và được biết ở Huế có 4 điện thờ ngài là:

1, “*Quan Thánh điện*” ở đô thị cổ / thương cảng cổ Thanh Hà, nay thuộc thôn Địa Linh, xã Hương Vinh, huyện Hương Trà, do Hoa kiều thành lập năm 1689.

2, Chùa Tường Quang, ở Số 213 đường Chi Lăng, Thành phố Huế, chính điện có thờ đức Quan Thánh, được xây dựng từ năm 1887.

3, “*Quảng triệu hội quán*”, tức hội quán của người Quảng Đông, ở Số 223 đường Chi Lăng, Thành phố Huế, chính điện có thờ đức Quan Thánh, do Hoa kiều thành lập năm 1894.

4, “Chùa Ông”, sau này có tên là “Chùa Thuận Hóa”, ở Số 114 đường Bạch Đằng, Thành phố Huế; một ngôi chùa đã điêu tàn hầu như ít mở cửa vì quá nhiều năm không có sư.

Cũng như nhiều đền thờ Quan Thánh tại Việt Nam đã có từ xa xưa, phần lớn là đền do dân lập⁽¹⁾; nhưng ngày Tết ất Chùa Ông sẽ mở cửa, và vào chính điện, tôi thật bất ngờ...

Trên chính điện, có bức hoành 4 chữ “忠義之則 (*Trung nghĩa chi tắc*)”, nghĩa là “*Tấm gương trung nghĩa*”. Ở lạc khoản, bên phải người đọc, có ghi niên đại là “甲午年孟夏月穀日 (*Giáp Ngọ niên, Mạnh Hạ nguyệt, cốc nhật*)”, tức ngày tốt, tháng 4 (âm lịch), năm Giáp Ngọ.

Người viết, được ghi ở lạc khoản bên trái là

“國主天縱道人題
(Quốc chủ Thiên Túng đạo nhân đề)”,
tức là do Minh vương Nguyễn Phúc Chu viết ban tặng năm 1714.



H 1: Bức hoành “*Trung nghĩa chi tức*” do Minh Vương viết năm 1714

Đọc lại Đại Nam Nhất Thống Chí, ta được biết: “*Đền Quan Công (關公祠): Ở ấp Xuân Lập ngoài Kinh thành. Khi quốc sơ, làm ở phía tả chùa Thiên Mụ, năm Thiệu Trị thứ 5 (1845) dời đến đây, nóc chính điện và nóc tiền đều 3 gian. Ngày Tỵ tháng 8, mọng quan đến tế*”⁽²⁾.

Dòng sử này cho thấy, ban đầu đền thờ được xây dựng ở phía bên trái chùa Thiên Mụ, tức ở gần các quầy hàng lưu niệm ở đường Nguyễn Phúc Nguyên ngày nay. Đến năm 1845, được dời về ở vị trí mới này ! Và có lẽ đây là đền “công lập”, do “nhà nước” xây đầu tiên ở Việt Nam, nay vừa đúng 300 năm ! Do vậy trong bài viết này, tôi chỉ đề cập về ngôi “Chùa Ông” này, còn các ngôi đền thờ kia, xin dành dịp khác.

Niên đại và thư pháp ghi trên bức “*忠義之則 (Trung nghĩa chi tức)*” ở Chùa Ông hoàn toàn giống trên bức “*靈鷲高峰 (Linh Thứu cao phong)*” ở chùa Thiên Mụ, nên ta có thể nghĩ rằng sau khi chọn chùa Thiên Mụ làm “thánh địa” của Phật giáo Đàng Trong, Minh Vương cho dựng thêm đền thờ Quan Công và đền thờ Thiên hậu Thánh mẫu⁽³⁾, rồi cùng ngày đến viết các bức hoành phi ngự đề này.

Phía dưới bức hoành của Minh Vương, ta thấy có bức “Ngự chế” của vua Tự Đức:

御製
題關公祠
鼎國分爭事已陳
英雄忠義宛然新
腑吞日月千軍廢
氣作山河萬古伸
刀下終期殲漢賊
燭前端可辦君臣
更能心愛春秋旨
自是春秋第一人

嗣德庚戌恭鑄

Phiên âm Hán Việt:

*Ngự chế: ĐỀ QUAN CÔNG TỬ
Đỉnh quốc phân tranh sự dĩ trần
Anh hùng trung nghĩa uyển nhiên tân
Phủ thôn nhật nguyệt thiên quân phế
Khí tác sơn hà vạn cổ thân
Đao hạ chung kỳ tiêm Hán tặc
Chúc tiền đoan khả biện quân thần
Cánh năng tâm ái Xuân Thu chí
Tự thị Xuân Thu đệ nhất nhân.
(Tự Đức Canh Tuất cung tuyền)*

Diễn nghĩa: Ngự chế: ĐỀ ĐỀN QUAN CÔNG

Đỉnh quốc (thế 3 chân vạc) phân tranh, việc đã bày rõ,
Bậc anh hùng trung nghĩa càng ngày càng tươi mới.
(Ý chí của ngài như) Dạ nuốt nhật nguyệt (vũ trụ), dẹp bỏ ngàn quân,
Khí tượng [của ngài] phổ trùm núi sông, đã tỏ bày từ ngàn xưa.
Dưới ngọn đao, cho đến cuối đời, vẫn dùng để diệt trừ giặc Hán,
Trước ngọn đuốc sáng ấy biện biệt rõ đạo quân – thần.
Mới hay tấm lòng ta yêu mến ý chỉ thời Xuân Thu,
Và [ngài] là người xuất chúng nhất thời Xuân Thu ấy.

Cung kính khắc [gỗ] vào năm Canh Tuất [1850], thời Tự Đức.

Dịch thơ:

*Ngự chế: ĐỀ ĐỀN QUAN CÔNG
Đỉnh quốc phân tranh việc sẵn bày,
Anh hùng trung nghĩa rõ hôm nay.
Dạ nuốt trăng trời, ngàn quân dẹp,
Khí trãi non sông, vạn thuở hay.
Đao xuống, một đời trừ giặc Hán,
Đuốc ngời, soi rõ đạo sâu dày.
Mới biết lòng yêu Xuân Thu buổi,
Xuân Thu kiệt xuất một người thay!
(Cung khắc năm Tự Đức Canh Tuất, 1850).*



H 2: Bài thơ ngự chế của vua Tự Đức

Trong điện, ta thấy có hai câu đối còn nguyên vẹn như sau:

1. Câu đối 1:

忠義匡君正氣天之上之下。
慈悲救世靈聲海以北以南。

(啟定二年秋. 沐恩工部左參知阮知檢拜)

Âm Hán Việt:

- Trung nghĩa匡ông quân, chính khí thiên chi thượng chi hạ.
- Từ bi cứu thế, linh thanh hải dĩ bắc dĩ nam.

(*Khải Định nhị niên thu. Mộc ân⁽⁴⁾ Công bộ Tả Tham tri Nguyễn Tri Kiểm bái*).

Nghĩa là:

- Trung nghĩa giúp vua, chính khí vút trời, trên cao, dưới thấp.
- Từ bi cứu đời, âm thiêng vang khắp biển, trái bắc, trái nam.

(Câu đối và 2 bức liễn, do người đội ơn [Quan Thánh] là Tả Tham tri Bộ Công Nguyễn Tri Kiểm cúng vào mùa thu năm Khải Định thứ 2, tức năm 1917).



-H 3a, 3b: Câu đối 1

2. Câu đối 2:

稟金星不撓以生, 桃園結義, 三真兄弟君臣無論英雄萬人敵。
值火德將灰之際, 麥城遭傷, 九罹患難慷渠直將氣節千古師。
(啟定拾年春. 侍講學仕領奠磐府知府尊室遂奉供)

Âm Hán Việt:

- Bẩm Kim Tinh⁽⁵⁾ bất nạo dĩ sanh, Đào Viên kết nghĩa, tam chân huynh đệ quân thần, vô luận anh hùng vạn nhân địch.
- Trị Hỏa Đức⁽⁶⁾ tương hôi chi tế, Mạch Thành tao thương, cửu li hoạn nạn khảng cừ, trực tướng khí tiết thiên cổ sư.

(*Khải Định thập niên xuân. Thị giảng học sĩ lĩnh Điện Bàn phủ Tri phủ Tôn Thất Túy phụng cúng*).

Nghĩa là:

– *Vốn sinh ra khi sao Kim không nhiều / phạm, ba người anh em [cũng là] vua – tôi tốt kết nghĩa vườn Đào, không thể so bậc anh hùng chỉ địch được vạn người.*

– *Gặp buổi sao Hỏa Đứ c [ý nói thời cuộc hỗn loạn, Hỏa Đứ c cũng được dùng để biểu thị tâm tính, hình dáng “mặt đỏ như gấc” của Quan Vũ] đang cháy bùng, gặp thương vong chốn Mạ ch thành, nhiều lần hoạn nạn vẫn khảng khái, Bậ c tướ ng thắ ng thắ n với khí tiết ấy đáng là bậ c thầy từ thiên cổ.*

(Câu đối và 2 bức liễn, do Thị giảng học sĩ lãnh chức Tri phủ phủ Điện Bàn Tôn Thất Túy phụng cúng vào mùa xuân năm Khải Định thứ 10, tức năm 1925).



H 4a, 4b: Câu đối 2

Ngoài ra, còn có một số bức hoành ghi các chữ “乾 坤 正 氣 (*Càn khôn chính khí*)”⁽⁷⁾, hoặc “顯 聖 靈 (*Hiển thánh linh*)”... do những tín đồ Quan Thánh cúng tặng. Phía bên phải tượng Quan Thánh trong điện, còn bức liễn vẽ đối “無 論 英 雄 敵 萬 人 (*Vô luận anh hùng địch vạn nhân*)”, không có lạc khoản; vẽ đối kia đã mất; và một chỗ trống cho thấy đã mất một số bức hoành câu đối khác...



H 5: Bức “Càn khôn chính khí”

Vì đền thờ “ông” Quan Công, nên dân gian gọi là “Chùa Ông”, rồi hình thành nên một địa danh nổi tiếng ở Huế để chính phủ đặt tên một con đường đi đến nó, được gọi là “Đường Chùa Ông”. Theo nhiều tài liệu⁽⁸⁾, năm 1996, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định cắt một phần đường Mạc Đĩnh Chi từ ngã tư với Nguyễn Du đến đường Ngự Viên và đặt lại tên là “Đường Chùa Ông”, vì nằm phía sau lưng Chùa Ông.

Tuy con đường “Chùa Ông” ngày nay đang còn, nhưng ngôi chùa có cái tên này chỉ còn trong ký ức của những người già, vì nó không còn mang tên “Chùa Ông” nữa, mà đã bị đổi tên là “Chùa Thuận Hóa (順化寺)” !, và việc thờ “Ông” nay chỉ còn là thứ yếu, vì hiện nay trước điện chùa này đã thờ tượng Phật Sakyamuni (Thích Ca Mâu Ni).

Nguyên nhân của việc đổi tên và đổi chức năng này, có thể là...

Do thời cuộc chính trị, năm 1932, tại Huế đã thành lập Hội Phật học An Nam (安南佛學會 / An Nam Phật học hội) do Hoàng đế nước Đại Nam là Bảo Đại làm Hội trưởng Danh dự, và Bác sĩ Lê Đình Thám làm hội trưởng chính thức để chấn hưng Phật giáo; trong đó có việc thành lập các trường đào tạo tăng ni. Theo sách *Lịch sử Phật giáo xứ Huế*⁽⁹⁾ cho biết, An Nam Phật học đường cấp Tiểu học của An Nam Phật học hội dời đến Chùa Ông năm 1936. Như vậy, rất có thể Chùa “Ông” đã biến thành chùa Phật, và được đổi tên thành “Chùa Thuận Hóa” vào dịp chấn hưng Phật giáo này !

Một điều khá trùng hợp là trong Bách khoa toàn thư mở Wikipedia, mục từ “*Gia đình Phật tử Việt Nam*”, Thời kỳ sơ khai tại Trung Kỳ, tức An Nam Phật học hội, trong thành phần nòng cốt có ghi tên ông “*Tôn Thất Túy*”, tức có thể chính là vị Tri phủ Điện Bàn đã cúng câu đối vừa dẫn trên !

Còn vì sao đền được dời từ Thiên Mụ về đây (?), theo tôi là do...

Ta được biết thương cảng cổ Thanh Hà (Địa Linh, Hương Vinh) có lẽ hình thành vào năm 1636 và từ đó hình thành khu Hoa kiều đô hội ở đây. Để đánh dấu sự ổn định khu Hoa kiều ở Thanh Hà, năm 1689, họ đã xây ranh giới phía bắc khu này là Thiên Hậu Cung và phía nam là Quan Thánh Điện để hàng năm cúng tế.

Để biểu hiện sự quan tâm đến lực lượng Hoa kiều, năm 1714, Minh Vương cũng đã cho xây 2 đền tương tự ở gần chùa Thiên Mụ, có vai trò mang tính biểu tượng của trung tâm tôn giáo tín ngưỡng do “nhà nước” dựng nên.

Đầu thế kỷ XIX, cảng Thanh Hà suy tàn, khu Hoa kiều được dời lên phố Chợ Dinh (tức đường Chi Lăng ngày nay). Việc cúng tế đền Quan Thánh ở Minh Hương – Thanh Hà có phần xa xôi khó khăn. Do vậy, rất có thể vua Thiệu Trị đã cho dời đền Quan Công từ Thiên Mụ về bên cạnh “Diệu Đế quốc tự” để vừa biểu hiện khu vực này là trung tâm tôn giáo của nước Đại Nam, vừa thuận tiện cho Hoa kiều ở phố Chợ Dinh đến làm lễ.

Vì từ khi phong trào chấn hưng Phật giáo rộ ra vào đầu thế kỷ XX, chùa chỉ là nơi sinh hoạt của Phật tử khuôn Thuận Hóa, hàng chục năm không có sự, không có sự tu bổ nên đã xuống cấp trầm trọng. Qua nhiều đợt bão, các cột kèo của chùa đã gãy, và người ta đã lấy các hoành phi câu đối cổ sơn son thếp vàng, cửa ra để bổ trợ các nơi hư hỏng, làm rui lợp mái ngói, thật đáng tiếc !



H 6a, 6b: Các hoành phi câu đối bị cưa để làm rui lót mái ngói

Và mới đây, chỉ có 01 sư cô pháp danh Tuệ Phương đã phát tâm đến “*Sớm khuya lá bối phướn mây, Ngọn đèn khêu nguyệt, tiếng chày nện sương*”. Tuy vậy, do không có kinh phí trùng tu nên hiện nay chùa vẫn trong tình trạng hư nát... Cũng rất may, tấm biển thủ bút ngự đề đúng 300 năm của Minh Vương và bức ngự chế thi của vua Tự Đức nay vẫn còn. Đây là những di vật quý báu chứng minh là một đền công lập, do vua chúa đương thời quan tâm dựng nên. Vì vậy tôi kính mong Giáo hội quan tâm trùng tu một ngôi đền danh tiếng xứ Huế, và phục hồi đúng tên, đúng chức năng như xưa. Làm được như vậy, tức Việt hóa một tín ngưỡng của người Hán, nay thuộc một trong những dân tộc thiểu số của người Việt chúng ta, và nhờ đó, sẽ làm rực rỡ thêm sắc màu cho Văn hóa Huế...

Việc tình cờ phát hiện bức “*Trung nghĩa chi tửc*” ở đền Quan Thánh, làm tôi nghĩ rằng, cho dù các chúa Nguyễn xiển dương Phật giáo, nhưng ngài vẫn tôn trọng các tín ngưỡng khác, với mục đích đoàn kết các thế lực, mà ở đây là Hoa kiều, một lực lượng rất lớn góp phần phát triển sự nghiệp của các chúa ở Đàng Trong.

Huế, tết Giáp Ngọ 2014.

Nguyễn Anh Huy

(Tác giả xin chân thành cảm ơn Nhà nghiên cứu thư pháp Hán Nôm PHAN QUỐC TUẤN và Nhà nghiên cứu Hán Nôm VÕ VINH QUANG đã hỗ trợ để hoàn tất đề tài này)

***CHÚ THÍCH:**

- (1) Xem thêm: Lê Anh Dũng. *Quan Thánh xưa nay*. Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin. Hà Nội. 1995.
- (2) Quốc sử quán triều Nguyễn (Tu Trai Nguyễn Tạo dịch). *Đại Nam Nhất Thống Chí*. Nha Văn hóa, Bộ Quốc gia Giáo dục (Sài Gòn) xuất bản năm 1960. Tập 1. Phần Kinh Sư. Trang 45.
- (3) *Đại Nam Nhất Thống Chí* còn cho biết: “Đền Thiên Phi (天妃祠): Ở phía hữu miếu Nam hải Long vương. Khi quốc sơ ở phía hữu chùa Thiên Mục, năm Thiệu Trị thứ 5 dời đến đây. Qui chế y như đền Quan Công, dùng ngày Tý tháng 2 tháng 8 và lựa ngày tốt tháng trọng hạ, trọng đông, Quân vệ Thủy sư đến tế”. Tôi đã tìm đến đền này nhưng dấu xưa không còn !
- (4) Chữ Hán “Mộc ân” là từ cung xưng của người dưới đối với người trên, như ta hay nói: “Kẻ dưới ơn là / Kẻ chịu ơn là / Thuộc hạ là / Tín đồ là...”.
- (5) Kim tinh: tức Thái Bạch Kim tinh, thần cai quản sao Kim, tượng trưng cho phương Bắc (màu trắng).
- (6) Hỏa Đức: tức Hỏa Đức tinh quân, vị thần cai quản về Lửa, sao Hỏa, tượng trưng cho phương Nam (màu đỏ).
- (7) Cả 4 đền thờ Quan Thánh ở Huế đều có thành ngữ “CÀN KHÔN CHÍNH KHÍ” chỉ cốt cách này của Quan Công. Sách đã dẫn của Lê Anh Dũng có sưu tầm các thành ngữ, tên hiệu, câu đối... ở các đền thờ Quan Thánh hai miền bắc – nam nhưng không hề có thành ngữ này, đây là một điểm khác biệt rất hay...
- (8) Chẳng hạn như: Dương Phước Thu. *Huế, tên đường phố xưa & nay*. Nhà xuất bản Thuận Hóa. 2004. Trang 79.
- (9) Thích Hải Ấn, Hà Xuân Liêm. *Lịch sử Phật giáo xứ Huế*. Nhà xuất bản Văn hóa Sài Gòn. 2006. Trang 395.

Chuyển đến: Lê-Thụy-Chi

Ngày 26/9N/4893 – Giáp Ngọ (18/11/2014)

www.vietnamvanhien.net



vietnamvanhien.net